ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI **TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1054 /BC-ĐHNN	*Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2021*

BÁO CÁO
TỔNG KẾT NĂM HỌC 2020-2021
VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021-2022

PHẦN I
BÁO CÁO TỔNG KẾT NĂM HỌC 2020-2021

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2020-2021 CỦA ĐHQGHN THEO THÔNG BÁO SỐ 2494/TB-ĐHQGHN NGÀY 31/8/2020 VỀ KẾT LUẬN CỦA GIÁM ĐỐC ĐHQGHN TẠI HỘI NGHỊ TỔNG KẾT CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2019-2020 VÀ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2020-2021

Thực hiện kết luận của Giám đốc ĐHQGHN tại Hội nghị tổng kết công tác đào tạo năm học 2019-2020 và triển khai nhiệm vụ năm học 2020-2021, Trường ĐHNN, ĐHQGHN đã xây dựng Kế hoạch, chỉ tiêu và giải pháp triển khai các nhiệm vụ năm học 2020-2021 *(kèm theo Công văn số 1145/ĐHNN-ĐT ngày 28/9/2020).* Tiếp đó, ngày 31/10/2020, Nhà trường tổ chức Hội nghị triển khai công tác đào tạo và học sinh sinh viên năm học 2020-2021. Sau 01 năm triển khai thực hiện, Nhà trường báo cáo kết quả cụ thể như sau:

1. Xây dựng Đề án thi và tuyển sinh đại học chính quy của Trường ĐHNN năm 2021 và các năm tiếp theo

Trong năm học 2020-2021, Trường ĐHNN đã xây dựng Đề án thi và tuyển sinh đại học chính quy năm 2021 đảm bảo đúng hướng dẫn của Bộ GD và ĐT, ĐHQGHN *(ban hành kèm theo công văn số 468/ĐHNN-ĐT ngày 09/4/2021 của Trường ĐHNN, ĐHQGHN*). Đồng thời, Nhà trường đẩy mạnh các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo, truyền thông, tư vấn tuyển sinh nhằm thu hút sự quan tâm của xã hội và người học. Kết quả, năm 2021 có 3605 hồ sơ nộp về trường xét tuyển thẳng (tăng 190% so với năm 2020). Kết thúc đợt 1 đăng ký xét tuyển, có 22.000 thí sinh đăng ký xét tuyển vào trường ĐHNN, ĐHQGHN (tăng 147% so với năm 2020).

2. Xây dựng các quy chế đào tạo phù hợp với Luật Giáo dục, Nghị định và Quy chế tổ chức và hoạt động mới về Đại học Quốc gia

Năm học 2020-2021, Trường ĐHNN tiếp tục thực hiện các quy định về đào tạo bậc đại học tại ĐHQGHN, bao gồm: chương trình đào tạo, tổ chức và quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học của sinh viên, quyền lợi và nghĩa vụ của giảng viên, cố vấn học tập sinh viên, kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập, công nhận tốt nghiệp (*kèm theo quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN*

ngày 25/12/2014 của ĐHQGHN). Bên cạnh đó, Nhà trường, cũng sẵn sàng tham mưu, đóng góp ý kiến theo yêu cầu của ĐHQGHN về việc kiện toàn tổ chức và điều chỉnh, cập nhật văn bản quản lý theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều trong Luật Giáo dục, Nghị định, Quy chế tổ chức và hoạt động mới về Đại học Quốc gia.

3. Tập trung làm tốt công tác tuyển sinh đại học, sau đại học; triển khai Đề án nâng cao năng lực tuyển sinh sau đại học ở ĐHQGHN nhằm tăng quy mô và chất lượng đào tạo bậc sau đại học, đặc biệt là gia tăng số lượng đào tạo tiến sĩ, góp phần đẩy mạnh công bố quốc tế, tăng chỉ số trong xếp hạng đại học

Trong năm học 2020-2021, Trường ĐHNN đã thực tốt công tác tuyển sinh đại học chính quy, sau đại học đảm bảo đủ về số lượng và chất lượng tiêu biểu là tuyển sinh ĐHCQ được 1643/1450 chỉ tiêu (đạt 113%, trong đó có 1241 sinh viên thuộc CTĐT CLC theo TT23/2014); Nhà trường đã triển khai xây dựng CTĐT theo hướng tự chủ bậc thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh; thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trong quản lí và đào tạo: xây dựng hệ thống bài giảng điện tử các học phần thuộc chuyên ngành đào tạo, xây dựng website học phần các chuyên ngành đào tạo, tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực ứng dụng CNTT của đội ngũ giảng viên; thực hiện công tác tuyển sinh và triển khai các yếu tố đảm bảo chất lượng tuyển sinh sau đại học. Năm học 2020-2021, tuyển sinh được: 175 học viên cao học, 10 nghiên cứu sinh, 64 học viên liên kết quốc tế.

4. Tiếp tục hoạt động đổi mới giảng dạy

Trong năm học 2020-2021, Trường ĐHNN, ĐHQGHN đã thực hiện:

- Tổ chức khóa tập huấn Giáo viên chủ nhiệm – Vòng tay kết nối cho toàn bộ 62 giáo viên chủ nhiệm của các lớp thuộc CTĐT CLC TT23 (tháng 7/2020);

- Tổ chức tọa đàm *Phát triển công tác đào tạo và nghiên cứu Biên phiên dịch tại trường ĐHNN, ĐHQGHN* ngày 15/12/2020.

- Tổ chức tọa đàm về *Chuyển đổi cơ cấu ngành nghề trong đào tạo ở trường ĐHNN, ĐHQGHN* giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030;

- Xây dựng các học phần mới trong các CTĐT CLC TT23: 06 học phần mới được xây dựng và nghiệm thu cho các ngành: Ngôn ngữ Anh, Pháp, Đức, Trung, Nhật, Hàn.

- Hoàn thành xây dựng CTĐT cử nhân CLC ngành Sư phạm tiếng Anh (điều chỉnh): xây dựng nội dung chi tiết các học phần và chuẩn bị đội ngũ giảng viên.

- Triển khai xây dựng kế hoạch và nghiệm thu học liệu số trên MS Office 365;

- Trong năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục mở rộng mạng lưới đối tác quốc tế thông qua việc ký kết các văn bản thoả thuận hợp tác; tiếp nhận 60 lượt sinh viên quốc tế, trong đó có 11 sinh viên đăng ký học tập hệ đại học chính quy khoá QH.2020 và 49 lượt sinh viên quốc tế tham gia các chương trình học tiếng Việt ngắn hạn được tổ chức tại Trường.

5. Tin học hóa công tác quản lý đào tạo

- Năm học 2020-2021, nhà trường đã ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trường ĐHNN, ĐHQGHN *(ban hành theo Quyết định số 1288/QĐ-ĐHNN ngày 12/8/2020)*.

- Năm học 2020-2021, đã triển khai tập huấn 20 buổi về sử dụng Ms. Office 365, xây dựng học liệu số và 09 buổi chia sẻ ICT talks cho cán bộ trong Trường.

- Xây dựng Cẩm nang số về ứng dụng CNTT trong quá trình chuyển đổi số với 55 bài hướng dẫn, chia sẻ công cụ hỗ trợ dạy- học.

- Xây dựng website môn học giai đoạn 2020-2021: đã có 90/336 được nghiệm thu và đạt chất lượng tốt.

- Xây dựng 06 ứng dụng phục vụ dịch vụ hành chính và quản trị đại học: công cụ tra cứu điểm, công cụ khai báo tính điểm NCKH, Zoom webinar, chuyên trang tuyển sinh, Ulis Alumni, GRS2022, hướng dẫn công tác tài chính.

- Số hóa 3449 học liệu (đạt 78%), tổ chức 80 hoạt động phát triển văn hóa đọc.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ DO ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI GIAO THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 125/QĐ-ĐHQGHN BAN HÀNH NGÀY 19/01/2021

Trong năm 2021, trường Đại học Ngoại ngữ được ĐHQGHN giao 48 chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ *(theo Quyết định số 125/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/01/2021)*. Sau 06 tháng triển khai thực hiện, kết quả như sau: 15/48 chỉ tiêu hoàn thành ≥ 100% chỉ tiêu kế hoạch, 19/48 chỉ tiêu hoàn thành ≥ 80% chỉ tiêu kế hoạch.

Bên cạnh đó, sau 06 tháng đầu năm 2021, một số chỉ tiêu về nghiên cứu khoa học như số bài báo trong nước, số bài báo quốc tế thuộc hệ thống ISI, SCopus, sách chuyên khảo tiếng Việt, tiếng nước ngoài còn chiếm tỷ lệ thấp hoặc chưa đạt được. Ngoài ra, một số chỉ tiêu chưa đến thời hạn để có thể thống kê, báo cáo, cụ thể: nguồn thu sự nghiệp năm 2021, tổng nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên (bao gồm NSNN cho GD-ĐT và nguồn thu sự nghiệp)...

Chi tiết tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ 06 tháng đầu năm 2021 của trường ĐHNN, ĐHQGHN tại Phụ lục 1.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN 06 NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2020-2021

Nhiệm vụ 1, về Đào tạo

Đào tạo THCS:

Trong năm học 2020-2021, Trường THCS Ngoại ngữ đã:

Xây dựng mô tả về hệ thống trường học trên mạng UMS Cyberschool; triển khai mô hình học tập trên mạng qua MS Teams, áp dụng các chức năng tương đương với hệ thống UMS Cyberschool;

Đưa môn học (Văn UMS) triển khai học tập trên mạng, 100% các môn học đều có ít nhất 1 bài giảng trực tuyến để hỗ trợ học sinh trong quá trình học tập.

Hoàn thành cẩm nang dạy học kết hợp, trong đó hướng dẫn cụ thể về cách thức biên soạn bài giảng, yêu cầu mục tiêu, cách thức kiểm tra đánh giá (*ban hành kèm theo thông báo số 50/TB-THCSNN ngày 15 tháng 6 năm 2021 về hướng dẫn thực hiện học tập kết hợp ở trường THCS Ngoại ngữ*).

Đổi mới phương thức kiểm tra đánh giá theo Thông tư 26/2020/TT/BGD-ĐT ngày 26 tháng 08 năm 2020 cụ thể: đưa các hình thức đánh giá học tập qua dự án, đánh giá bằng điểm số và nhận xét, đánh giá trực tuyến… vào việc dạy học. Tổ chức thành công đợt kiểm tra cuối học kỳ 2 năm học 2020-2021 theo hình thức trực tuyến với sự tham gia của phụ huynh học sinh trong vai trò giám sát, ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra. Kì thi được diễn ra đúng quy trình, nghiêm túc, kết quả phản ánh trung thực năng lực của học sinh.

Trường THCS Ngoại ngữ đã xây dựng và ban hành bộ hướng dẫn, quy trình về việc tổ chức kiểm tra đánh giá trực tuyến.

Triển khai các hoạt động phát triển năng lực cá nhân, phù hợp với tâm lý người học, kết hợp với các giáo viên phụ trách hoạt động chủ nhiệm, hoạt động trải nghiệm và hoạt động của một số môn học đặc thù.

Xây dựng bảng mô tả chi tiết các hoạt động có tính chất định hướng theo khung năng lực phẩm chất học sinh THCS Ngoại ngữ nhằm hệ thống hóa và hướng dẫn cho việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hoạt động chủ nhiệm, hoạt động dạy học các môn học đặc thù và phát triển môi trường tiếng Anh trong nhà trường.

Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học đặc thù mới trong đó tăng cường việc tính kế hoạch và chuyên môn qua các hoạt động như: tập huấn giáo viên môn Public speaking, tổ chức giờ học mẫu theo hướng nghiên cứu bài học, kết hợp hoạt động phát triển văn hóa đọc với cuộc thi Đại sứ văn hóa đọc...

Hoạt động trải nghiệm được hệ thống và đưa vào các môn học theo các dự án: dự án MC thời tiết, dự án lồng tiếng phim... giảm bớt được áp lực tổ chức hoạt động, và gắn sát hơn với kế hoạch học tập của học sinh.

Đào tạo THPT:

Trong năm học 2020-2021, Trường THPT chuyên Ngoại ngữ đã:

Đổi mới việc tổ chức dạy-học, kiểm tra đánh giá các môn học theo hướng vì sự tiến bộ của người học, cụ thể: tổ chức 9 lớp văn hoá hệ chuyên và 5 lớp văn hoá hệ không chuyên; xây dựng lịch trình dạy học học kỳ I và II theo khung kế hoạch thời gian do Bộ GD&ĐT ban hành; xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá cho các môn học theo hướng đánh giá vì sự tiến bộ của người học, giảm áp lực cho học sinh (theo hướng dẫn của Thông tư 26-BGDĐT)

Tiếp tục đổi mới việc tổ chức đào tạo môn Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng-An ninh trên nền tảng những thành tựu đã đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế, bất

cập khi triển khai hai môn học; tổ chức đăng ký trực tuyến câu lạc bộ Thể dục-Thể thao, ở 10 bộ môn: Bóng đá, Bóng rổ, Bóng chuyền hơi, Cầu lông, Bơi lội, Điền kinh, Yoga, Võ thuật Vovinam, Thiền, Zumba, Yoga; tổ chức đợt học tập trung môn GDQP-AN cho khoảng 2100 học sinh tại Hòa Lạc.

Tổ chức dạy-học môn Tin học theo định hướng thi lấy chứng chỉ MOS. Tổ chức cho gần 2000 học sinh học môn Tin học theo định hướng thi lấy chứng chỉ MOS; 204 học sinh có chứng chỉ MOS;

Hoàn thiện chương trình dạy học, tổ chức dạy học các môn học hoặc một số nội dung của môn học hướng trải nghiệm sáng tạo trong và ngoài nnhà trường: hoàn thiện chương trình khung và chương trình chi tiết các môn Ngoại ngữ 1 ở các thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn Quốc; hoàn thiện chương trình Ngoại ngữ tăng cường có yếu tố nước ngoài; tổ chức chương trình dạy-học môn Công nghệ cho học sinh khối 10, 11, 12 theo hướng trải nghiệm thực tế; tổ chức chương trình trải nghiệm một số nội dung học tập môn Giáo dục Công dân, Lịch sử, Địa lý, Sinh học lớp 11 ngoài Nhà trường; tổ chức một số hoạt động trải nghiệm học tập ở một số môn học phát huy sự sáng tạo của học sinh (Ngoại ngữ, Toán, Lý, Hóa, Ngữ văn) trong Nhà trường.

Xây dựng và triển khai kế hoạch chuyển đổi số tại Trường THPT Chuyên Ngoại ngữ: tổ chức 02 đợt Bồi dưỡng cán bộ, giáo viên về ứng dụng CNTT trong tổ chức và quản lý dạy-học; triển khai ứng dụng CNTT vào dạy học và quản lý lớp học, tổ chức các buổi họp trực tuyến trên nền tảng MS. Teams.

Đào tạo đại học:

Năm học 2020-2021, Nhà trường đã:

Tuyển sinh đảm bảo đủ số lượng và chất lượng tất cả các ngành, cụ thể: tuyển sinh 1643/1450 chỉ tiêu (đạt 113%).

Tổ chức khóa tập huấn *Vòng tay kết nối* cho toàn bộ 62 giáo viên chủ nhiệm của các lớp thuộc CTĐT CLC TT23 (tháng 7/2020).

Tổ chức tọa đàm *Phát triển công tác đào tạo và nghiên cứu Biên phiên dịch* tại Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN (ngày 15/12/2020). Đây là tọa đàm nhằm xem lại và đổi mới hoạt động giảng dạy chuyên ngành Biên phiên dịch tại trường. Sau tọa đàm, nhóm chuyên trách đã bắt tay xây dựng Khung năng lực biên phiên dịch viên tại Việt Nam.

Tổ chức tọa đàm về *Chuyển đổi cơ cấu ngành nghề trong đào tạo* ở trường ĐHNN – ĐHQGHN giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030.

Tổ chức thành công Hội thảo mô hình học cùng cộng đồng dành cho cán bộ giảng viên, giáo viên trong trường (ngày 23/01/2021). Sau tọa đàm có 05 học phần đã áp dụng mô hình Học tập cùng cộng đồng vào việc giảng dạy.

Ngoài ra, còn tổ chức một số buổi tọa đàm, tập huấn như: tổ chức (1) chuỗi tọa đàm về Mindfulness cho cán bộ giảng viên, giáo viên của trường: tạo sự kết nối trong lớp học; ứng

dụng Mindfulness trong nuôi dạy con; hướng đi cho giáo dục bền vững; thầy cô giáo hạnh phúc sẽ thay đổi thế giới; cân bằng cảm xúc trong cuộc sống; kết nối yêu thương; (2) 01 buổi tọa đàm về tổng kết các hoạt động đào tạo và nghiên cứu thuộc mảng quốc tế học trong năm học 2020-2021 và thảo luận phương hướng hoạt động của nhóm trong thời gian tới; (3) phối hợp Hội đồng Anh tổ chức khóa tập huấn công dân tích cực cho sinh viên.

Nhà trường đã xây dựng các học phần mới trong các CTĐT CLC TT23: 06 học phần mới được xây dựng và nghiệm thu.

Ban hành Hướng dẫn xây dựng và nghiệm thu học liệu số (Hướng dẫn số 266/HD-ĐHNN ngày 08/03/2021) trong đó có các cơ chế khuyến khích giảng viên về tài chính và tính điểm nghiên cứu khoa học; ban hành Thông báo 1545/TB-ĐHNN ngày 08/12/2020 về Kế hoạch triển khai xây dựng và nghiệm thu học liệu số trên MS Office 365;

Thực hiện chuyển đổi từ xây dựng website sang xây dựng học liệu số trên MS Office 365: tiến hành học liệu số môn học trên Microsoft Office 365. Tính đến hết tháng 6/2021, đã nghiệm thu 92/384 môn học; số hóa toàn bộ học liệu, giáo trình bắt buộc bậc đại học;

Xây dựng CTĐT cử nhân CLC ngành Sư phạm tiếng Anh (điều chỉnh): xây dựng nội dung chi tiết các học phần và chuẩn bị đội ngũ giảng viên. CTĐT đã được ban hành ngày 28/12/2020. Hiện nay đã tuyển sinh được 25 sinh viên khóa đầu tiên theo chương trình điều chỉnh năm 2020.

Xây dựng quy hoạch ngành, chuyên ngành giai đoạn 2021-2025, đề xuất mở mới 02 chuyên ngành ở bậc đại học: Văn hóa và truyền thông xuyên quốc gia; Ngôn ngữ và Văn hóa Đông Nam Á.

Đào tạo Sau đại học:

Triển khai xây dựng CTĐT theo hướng tự chủ bậc thạc sĩ và tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học ứng dụng tiếng Anh; thực hiện kế hoạch chuyển đổi số trong quản lí và đào tạo: xây dựng hệ thống bài giảng điện tử các học phần các chuyên ngành đào tạo, xây dựng website học phần các chuyên ngành đào tạo, tổ chức các hoạt động nâng cao năng lực ứng dụng CNTT của đội ngũ giảng viên; thực hiện công tác tuyển sinh và triển khai các yếu tố đảm bảo chất lượng tuyển sinh sau đại học. kết quả tuyển sinh được: 175 HVCH, 10 NCS, 64 học viên LKQT.

Hoàn thành và đưa vào sử dụng 3 website học phần ở mức cơ bản của 7 ngành đào tạo (Anh, Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn).

Số hóa 1097 học liệu bắt buộc; các văn bản quản lí, điều hành, hướng dẫn công tác đào tạo được số hóa; ban hành 01 hướng dẫn về xây dựng và sử dụng website môn học; 01 kế hoạch, lộ trình xây dựng website môn học cho từng học phần của các chương trình đào tạo sau đại học; cán bộ giảng dạy, quản lí sau đại học được tập huấn về về sử dụng website môn học và các ứng dụng hỗ trợ khác trong quản lý lớp học và tổ chức hoạt động trong lớp học; 6 cộng đồng học thuật đã được thành lập hoạt động tối thiểu 1 tháng/lần có hiệu quả trên các nền tảng CNTT.

Tổ chức thành công Hội thảo IGRS và Diễn đàn lần thứ X về Nghiên cứu giảng dạy tiếng Hán dành cho học viên cao học và nghiên cứu sinh, được tổ chức theo hình thức kết hợp

giữa trực tuyến và trực tiếp: 3 diễn giả quốc tế, 157 báo cáo viên (30 báo cáo viên quốc tế), 390 người tham dự, tổ chức thành công 2 workshops tiền Hội thảo.

Nhiệm vụ 2, về khoa học công nghệ

Năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục triển khai các giải pháp thực hiện các mục tiêu của Chiến lược phát triển khoa học công nghệ giai đoạn 2020-2025:

- Tổ chức thành công hội thảo khoa học quốc gia Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học tại Việt Nam 2021 (UNC2021) ngày 24/4/2021 theo hình thức trực tuyến với hơn 4000 người tham dự; 3 báo cáo phiên toàn thể, 360 báo cáo tại 30 phiên song song.

- Kết quả, năm học 2020-2021 có 95,4% giảng viên hoàn thành nhiệm vụ KHCN theo quy định; tổ chức thành công 03 hội thảo quốc tế, quốc gia; tổ chức 06 tọa đàm khoa học chuyên môn cấp Trường; 11 đề tài mới các cấp được triển khai (trong đó 02 đề tài cấp ĐHQGHN, 09 đề tài cấp cơ sở); 07 sách chuyên khảo, 12 sách tham khảo được xuất bản; công bố 238 bài báo đăng tạp chí trong đó có 18 bài báo được đăng trên tạp chí ISI/Scopus; xuất bản 06 số tạp chí Nghiên cứu nước ngoài (04 số tiếng Anh, 02 tiếng Việt).

Nhiệm vụ 3, về công tác học sinh, sinh viên

- Năm học 2020-2021, Nhà trường đã tiếp tục truyền thông và triển khai tốt đề án Đổi mới thực hành thực tập và phát triển kỹ năng bổ trợ cho sinh viên: tổ chức 04 buổi hướng dẫn sinh viên xây dựng Hồ sơ thực tập và giải đáp vướng mắc của sinh viên về đề án cho 1567 sinh viên; kết nối với 30 đơn vị sử dụng lao động, giới thiệu 570 việc làm cho sinh viên; tổ chức 02 chương trình giúp hỗ trợ kỹ năng phỏng vấn, tìm việc cho sinh viên; tổ chức 03 chương trình giúp phát triển kỹ năng bổ trợ cho sinh viên: kỹ năng xây dựng thương hiệu cá nhân thu hút 548 sinh viên tham gia (ngày 27/6/2021), chương trình thi kỹ năng sư phạm với 123 sinh viên tham gia.

- Triển khai xây dựng và thử nghiệm ứng dụng trên điện thoại (App ULIS Now) hỗ trợ thông tin, quản lý thời gian học tập, rèn luyện đối với sinh viên; đã triển khai 10 chuyên đề tích lũy cho sinh viên, 05 tọa đàm với doanh nghiệp tuyển dụng, 02 tọa đàm hướng dẫn tìm việc làm và xây dựng thương hiệu cá nhân cho sinh viên, 01 giao lưu trao đổi kinh nghiệm công tác sinh viên với Học viện Báo chí tuyên truyền.

- Năm học 2020-2021, Nhà trường đã thành lập và tổ chức thành công Đại hội Đại biểu Mạng lưới cựu người học trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN lần thứ I, nhiệm kỳ 2021-2026 (ngày 27/3/2021) nhằm xây dựng, kết nối và hỗ trợ người học được tốt nhất.

- Triển khai *Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động Đổi mới, Sáng tạo, Nghiên cứu khoa học và Khởi nghiệp của sinh viên trường ĐHNN, ĐHQGHN*, cụ thể: 100% sinh viên được tiếp cận, có thông tin đầy đủ về đề án; 5025 sinh viên tham gia các hoạt động của đề án trong năm học 2020-2021 (đạt 76%); 4361 sinh viên có sản phẩm thể hiện hoạt động đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp (đạt 64%); 1914 sinh viên có các sản phẩm tham gia hội thi, diễn đàn, hội nghị về đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp các cấp (đạt 30%);

03 ý tưởng, đề tài khoa học, sáng tạo, khởi nghiệp được triển khai thực tế và cho ra sản phẩm có ích cho xã hội.

Nhiệm vụ 4, về hợp tác phát triển

Hội nhập quốc tế

Trong năm học 2020-2021, mặc dù ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, Nhà trường đã tiếp tục mở rộng mạng lưới đối tác quốc tế thông qua việc ký kết các văn bản thỏa thuận hợp tác với 6 đối tác Nhật Bản (Công ty Terumo, Trường Đại học Tsuda, Trường Đại học Sapporo, Trường Đại học Hokkaido Bunkyo, Trường Đại học Ngoại ngữ Tokyo, Trường Đại học Kanto Gakuin); 03 đối tác Hàn Quốc (Wicc Korea, Tập đoàn Hancom và Tập đoàn YES, Công ty Hyundai Motor); 01 đối tác Trung Quốc (Công ty Kỹ thuật Giáo dục Trí Việt Hàng Châu); 01 đối tác Đài Loan (Trường Đại học KHCN Kiện Hành); 02 đối tác Đức (Trường Đại học Greifswald, trường Đại học Leipzig); 01 đối tác Ý (Trường Đại học Modena and Reggio Emilla).

Năm học 2020-2021, đã tiếp nhận 60 lượt sinh viên quốc tế, trong đó có 11 sinh viên đăng ký học tập hệ đại học chính quy khoá QH.2020 và 49 lượt sinh viên quốc tế tham gia các chương trình học tiếng Việt ngắn hạn được tổ chức tại trường. Tuyển dụng 23 chuyên gia nước ngoài tới làm việc tại trường: 02 chuyên gia Hoa Kỳ, 03 chuyên gia Nhật Bản, 09 chuyên gia Hàn Quốc, 02 chuyên gia Ai Cập, 04 chuyên gia Đức, 01 chuyên gia Pháp, 01 chuyên gia Ý và 01 chuyên gia Tây Ban Nha.

Hợp tác phát triển trong nước

- Tiếp tục hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao (thông qua Đề án NNQG).

- Phối hợp với Bộ Nội vụ thực hiện hiệu quả nhiệm vụ Đề án *Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức* theo Quyết định số 1659/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2020.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án chương trình địa phương tại 20 trường THCS huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. 67 giáo viên tiếng Anh và 2793 học sinh/75 lớp, khối lớp 9 các trường THCS huyện Ba Vì được thụ hưởng Đề án trong năm học 2020-2021.

- Hợp tác với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh xây dựng đề án *Nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 – 2025*.

Nhiệm vụ 5, về cơ sở vật chất và tài chính

Cải tạo, phát triển cơ sở vật chất

Tiếp tục thực hiện chỉnh trang khuôn viên Nhà trường theo hướng tạo thêm không gian chung cho cán bộ và người học, xây dựng cảnh quan, môi trường sư phạm xanh, sạch, đẹp. Trong năm học 2020-2021, Nhà trường đã hoàn thành cảnh tạo tầng 01 - nhà B2, tầng 05 - nhà A2, không gian mở tại Trường THPT CNN, tầng 1-nhà C3 thành không gian làm việc chung

(Co-working Space) cho học sinh, sinh viên, cán bộ và giảng viên; cải tạo sân bóng tại khu liên hợp thể thao; hoàn thành cải tạo khu vực vệ sinh nhà A1. Nhà trường tiếp tục triển khai Đề án đổi mới phục vụ hội trường lớp học tại giảng đường B2, chuẩn bị triển khai trong toàn trường từ năm học 2021-2022.

Năm học 2020-2021, Nhà trường đã triển khai đảm bảo tiến độ việc xây dựng quy hoạch chi tiết 1/500 trường ĐHNN, ĐHQGHN tại Hòa Lạc.

Tài chính

Kế hoạch ngân sách Nhà nước (NSNN) và phân bổ dự toán NSNN luôn gắn với kế hoạch, nhiệm vụ năm học và tình hình thực tiễn để đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH; tập trung và kiểm soát hiệu quả các khoản thu chi, đảm bảo đúng nội dung, đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hiệu quả của việc mua sắm và sử dụng cơ sở vật chất. Kiểm toán Nhà nước kiểm tra, đánh giá việc quản lý tài chính, tài sản nhà trường thực hiện đúng quy định, hướng dẫn của Nhà nước; thực hiện chuyển đổi số: cập nhật hướng dẫn quy trình thủ tục thanh toán lên website Nhà trường, thực hiện thu phí online đối với các khoản thu học phí, lệ phí, tuyển sinh, lệ phí hội thảo...

Nhiệm vụ 6, về Quản trị đại học

- Năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục rà soát, tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị; đẩy mạnh cải cách hành chính, tiếp tục thực hiện Hành chính Một cửa đối với cán bộ (41 thủ tục hành chính) và sinh viên (14 thủ tục hành chính).

- Tiếp tục triển khai mô hình quản trị theo mục tiêu và kết quả then chốt OKRs *(Objectives and Key results)* trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường.

- Triển khai vận hành hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNU-Office đặc biệt là đẩy mạnh ký số văn bản hành chính. 100% các văn bản đi của trường đều được ký số.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính thông qua việc sử dụng tài liệu số thay cho tài liệu giấy khi tổ chức các cuộc họp, hội nghị chuyên đề.

- Ứng dụng CNTT (bộ công cụ Microsoft Office 365) vào quản trị đại học và hoạt động giảng dạy của Nhà trường.

- Tăng cường hiệu quả công tác pháp chế, năm học 2020-2021, Nhà trường đã rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới 14 văn bản quản lý, điều hành, trong đó: lĩnh vực TCCB: 02; HCTH: 02; KHCN: 01; Đào tạo: 04; CT&CTHSSV: 01; KHTC, Quản trị: 03; TT&PC: 01.

- Năm học 2020-2021, Nhà trường đã kiện toàn lực lượng giảng viên hiện có, đáp ứng nhu cầu giảng dạy đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, quy mô theo hướng ngành, chuyên ngành đối với tất cả các học phần trong các chương trình đào tạo, cụ thể: đánh giá chi tiết tình hình phân công giảng dạy, bồi dưỡng và trao đổi chuyên môn, thực hiện giảng dạy từng học phần của giảng viên; tổ chức 01 lớp bồi dưỡng tiếng Anh (IELTS) cho giảng viên đi học NCS, 03 khóa Nhà giáo dục truyền cảm hứng cho giảng viên, giáo viên trong toàn trường, 02 khó xây

dựng và bồi dưỡng môn học mới, 02 khóa xác trị đề thi cho giảng viên và giáo viên trung học, 01 khóa bồi dưỡng sử dụng MS Teams trong giảng dạy.

- Năm học 2020-2021, Nhà trường đã triển khai tập huấn 20 buổi về sử dụng Ms. Office 365, xây dựng học liệu số và 09 buổi chia sẻ ICT talks cho cán bộ trong Trường.

- Xây dựng Cẩm nang số về ứng dụng CNTT trong quá trình chuyển đổi số: 55 bài hướng dẫn, chia sẻ công cụ hỗ trợ dạy- học.

- Xây dựng website môn học giai đoạn 2020-2021: 90/336 được nghiệm thu đạt 27%

- Xây dựng 06 ứng dụng phục vụ dịch vụ hành chính và quản trị đại học: 06 ứng dụng: Công cụ tra cứu điểm, công cụ khai báo tính điểm NCKH, Zoom Webinar, chuyên trang tuyển sinh, Ulis Alumni, GRS2022, hướng dẫn công tác tài chính.

- Số hóa 3449 học liệu (đạt 78%), tổ chức 80 hoạt động phát triển văn hóa đọc.

- Tăng cường hạ tầng CNTT đáp ứng chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2020-2025.

IV. TỒN TẠI/ HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại/ hạn chế

Về công tác tổ chức cán bộ

Vẫn còn tình trạng cán bộ chưa thực hiện cam kết nâng cao trình độ chuyên môn, một số đã đi học nhưng không hoàn thành chương trình học tập hoặc kéo dài thời gian học tập.

Về đào tạo

- Việc triển khai Đề án đổi mới hoạt động giảng dạy chưa đồng đều ở các cấp học, bậc học.

Về công tác học sinh sinh viên

Chưa có các giải pháp đột phá nhằm huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ sinh viên.

Về khoa học và công nghệ

- Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín không đạt chỉ tiêu.

- Số lượng bài báo của các cán bộ giảng viên trong Trường gửi đăng Tạp chí Nghiên cứu nước ngoài chưa nhiều, chưa tương xứng với nguồn lực KHCN của Trường. Một số cán bộ thường xuyên không hoàn thành giờ NCKH năm học.

Về đảm bảo chất lượng và khảo thí

Năng lực về khảo thí ở các đơn vị đào tạo còn chưa đồng đều.

Về tài chính và cơ sở vật chất

Một số hạng mục công việc trong công tác xây dựng cơ bản triển khai còn chậm so với kế hoạch đề ra ban đầu.

Về hợp tác phát triển

Do tình hình dịch bệnh nên việc triển khai các hoạt động hợp tác quốc tế gặp nhiều khó khăn, số lượng chuyên gia nước ngoài và lưu học sinh không đạt chỉ tiêu đặt ra.

Về quản trị đại học và thanh tra pháp chế

Chất lượng thiết bị và phần mềm công nghệ thông tin, hệ thống phát wifi vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu dạy-học và làm việc trong Trường.

2. Nguyên nhân

Về chủ quan

- Ý thức và nhận thức về trách nhiệm, quyền hạn của một số giảng viên còn chưa cao.

- Công tác tham mưu, tư vấn cho BGH chưa được thực hiện tốt ở một số đơn vị.

Về khách quan

- Do sự cạnh tranh giữa các cơ sở giáo dục đại học ngày càng lớn.

- Một số chỉ tiêu phụ thuộc vào bên ngoài, phụ thuộc vào các chính sách của Nhà nước, Bộ GD và ĐT và ĐHQGHN. Nguồn ngân sách Nhà nước cấp ngày càng giảm.

- Do tình hình dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường.

PHẦN II

KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2021-2022

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

(i) Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025; (ii) Chiến lược phát triển của trường ĐHNN, ĐHQGHN đến năm 2030, tầm nhìn 2045; (iii) Chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm 2021 trường ĐHNN ban hành theo Quyết định số 125/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/01/2021 của Giám đốc ĐHQGHN; (iv) Tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2020-2021 và thực trạng nguồn lực của trường ĐHNN, ĐHQGHN.

2. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC 2021-2022

2.1. Về đào tạo

2.1.1. Rà soát, đánh giá hiệu quả và tiến hành những cải tiến phù hợp đối với Đề án đổi mới hoạt động giảng dạy của Trường;

2.1.2. Thực hiện các giải pháp đồng bộ để triển khai thành công mô hình đào tạo kết hợp ở các bậc học ở Trường ĐHNN, ĐHQGHN.

2.2. Về khoa học công nghệ

2.2.1. Rà soát, đánh giá hiệu quả và đề xuất các giải pháp phù hợp để thực hiện Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Trường giai đoạn 2020 - 2025;

2.2.2. Triển khai chuỗi các hội thảo, tọa đàm khoa học trong khuôn khổ Hội thảo quốc gia về giáo dục ngoại ngữ, ngôn ngữ và quốc tế học (UNC2022);

2.2.3. Tiếp tục thực hiện Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp của sinh viên trường ĐHNN, ĐHQGHN.

2.3. Về công tác học sinh sinh viên

2.3.1. Tiếp tục tăng cường các hoạt động hỗ trợ, kết nối người học; lấy người học làm hạt nhân, thành tố chủ yếu trong việc lập kế hoạch, tổ chức, quản lý các chương trình, đề án, dự án liên quan tới học sinh sinh viên của Trường;

2.3.2. Rà soát, đánh giá hiệu quả và tiến hành những cải tiến phù hợp đối với Đề án đổi mới công tác thực hành, thực tập và phát triển kỹ năng bổ trợ.

2.4. Về hợp tác phát triển

2.4.1. Tìm kiếm các giải pháp để đảm bảo sự tham gia đội ngũ chuyên gia, giảng viên trong và ngoài nước trong các chương trình đào tạo;

2.4.2. Mở rộng hoạt động kết nối, dịch vụ và phục vụ cộng đồng; tăng cường hiệu quả hoạt động của mạng lưới Ulis Connect, Ulis Alumni.

2.5. Về cơ sở vật chất và tài chính

2.5.1. Duy tu, bảo dưỡng, bổ sung hệ thống cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin và trang thiết bị trong Trường;

2.5.2. Hoàn thành xây dựng quy hoạch chi tiết 1/500 khu vực địa giới của Trường tại Hòa Lạc;

2.5.3. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp, giữ ổn định nguồn kinh phí cho phát triển đội ngũ, khoa học công nghệ và học sinh sinh viên; giữ ổn định thu nhập cho người lao động và chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho tự chủ tài chính.

2.6. Về quản trị đại học

2.6.1. Hoàn thành quá trình kiểm định chất lượng Trường và nhận Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở GDĐH giai đoạn 2021-2026;

2.6.2. Thiết kế và triển khai có hiệu quả các chương trình bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ trong toàn Trường;

2.6.3. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của Trường.

3. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

- Làm tốt công tác tư tưởng, tạo sự đồng thuận cao và ý thức hoàn thành nhiệm vụ trong CBVC và HSSV.

- Chú trọng công tác phát triển đội ngũ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và xây dựng môi trường làm việc thân thiện.

- Đa dạng hóa nguồn thu từ chuyển giao công nghệ, các dịch vụ đào tạo và NCKH, thực hiện các dự án, chương trình, hợp đồng đào tạo, tham gia các Đề án ngoại ngữ của Chính phủ; mở rộng hợp tác với các Bộ, ngành và địa phương.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí các nguồn lực, nhất là thời gian, sức lực và tài chính.

- Xây dựng văn hoá chất lượng trong các hoạt động. Tiếp tục tăng cường hệ thống đảm bảo chất lượng cho các chương trình đào tạo. Nâng cao chất lượng công tác điều hành, quản lý và hiệu quả, tác dụng của công tác thi đua, khen thưởng.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát các hoạt động của Nhà trường nhằm đưa ra được những chính sách phù hợp.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2021-2022 của Trường được quán triệt tới toàn thể các đơn vị, cán bộ viên chức và học sinh, sinh viên.

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc căn cứ KHNV năm học của Trường thực hiện điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện KHNV năm học của đơn vị.

- Các đơn vị chức năng và các tổ chức đoàn thể có trách nhiệm cụ thể hóa KHNV năm học của Trường thành các chương trình công tác cụ thể, trong đó có các mục tiêu, giải pháp, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra, đánh giá./.

Nơi nhận:
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Các Phó Hiệu trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị (để t/h);
- Lưu: P. HCTH, Công đoàn, ĐP05.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Đỗ Tuấn Minh

Phụ lục 1

THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 06 THÁNG NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 125/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/01/2021 của ĐHQGHN)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ			
			KH	TH	%	Ghi chú
1	**ĐÀO TẠO**					
1.1	**Chỉ tiêu tuyển sinh**					
1.1.1	Tuyển sinh THPT, THCS					
	Tuyển sinh THPT	*Người*	*450*	*450*	*100%*	
	Tuyển sinh THCS	*Người*	*100*	*0*	*0%*	
1.1.2	Tuyển sinh đại học chính quy	Người	1,600	*0*	*0%*	
1.1.3	Tuyển sinh sau Đại học					
	Tuyển sinh thạc sỹ	*Người*	*150*	*57*	*38%*	
	Tuyển sinh tiến sỹ	*Người*	*15*	*3*	*20%*	
1.1.4	Tuyển sinh LKQT					
	Tuyển sinh LKQT bậc Đại học	*Người*	*220*		*0%*	
	Tuyển sinh LKQT bậc Thạc sỹ	*Người*	*60*	*0*	*0%*	*54 PG*
1.2	**Quy mô đào tạo**					
1.2.1	Đào tạo THPT, THCS		2,327			
	THCS	*Người*	*300*	*200*		
	THPT	*Người*	*2,027*	*2,138*		
1.2.2	Đào tạo đại học chính quy	*Người*	6,700	6,146	*92%*	

	Đào tạo LKQT bậc Đại học	*Người*	545	*545*		
1.2.3	Đào tạo sau Đại học					
	Đào tạo thạc sỹ	*Người*	*430*	*548*	*127%*	
	Đào tạo tiến sỹ	*Người*	*62*	*64*	*103%*	
	Đào tạo LKQT bậc Sau đại học	*Người*	*46*	*46*		
1.2.4	Tỷ lệ đào tạo sau đại học trên tổng quy mô đào tạo	%	7	9.1	*132%*	
1.2.5	Tỷ lệ đào tạo tiến sĩ trên tổng quy mô đào tạo	%	1	0.95	*110%*	
1.3	**Việc làm của người học**					
	Tỷ lệ người học tốt nghiệp đại học có việc làm sau 12 tháng.	%	97	80	*82%*	
1.4	**Kiểm định chất lượng**					
1.4.1	Số lượng CTĐT được kiểm định theo chuẩn AUN	CTĐT	1	0	*0%*	
1.4.3	Tỷ lệ ngành đào tạo ĐH và chuyên ngành đào tạo ThS được kiểm định và đánh giá chất lượng trên tổng số ngành đào tạo ĐH và chuyên ngành đào tạo ThS phù hợp với quy định về KĐCL					
	Hệ Đại học	%	75	53	*70%*	
	Số chương trình đào tạo hiện nay		*19*	*19*		*01 SP Hàn* *06 CLC 23*
	Số chương trình đào tạo đã được kiểm định		*14*	*10*		
	Hệ Thạc sỹ	%	25	27	*109%*	
	Số chương trình đào tạo hiện nay		*11*	*11*		
	Số chương trình đào tạo đã được kiểm định		*3*	*3*		
2	**NGHIÊN CỨU VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**					

2.1	**Công bố trong nước**					
2.1.1	Số công trình khoa học công bố xuất bản trong nước	công trình KH	183	330	*180%*	
2.1.2	Trung bình số công trình khoa học công bố xuất bản trong nước trên tổng số cán bộ khoa học/năm	%	34	61	*179%*	
2.2	**Công bố quốc tế**					
2.2.1	Số công trình khoa học công bố trên CSDL ISI và SCOPUS	công trình KH	56	11	*20%*	
2.3.2	Trung bình số công trình khoa học công bố trên CSDL ISI và Scopus trên tổng số cán bộ khoa học/năm	%	10.4	2.1	*20%*	
2.3	**Chất lượng công bố quốc tế**					
	Tỷ lệ công bố khoa học trong CSDL Scopus thuộc nhóm Q1, Q2 trên tổng số công bố thuộc Scopus	%	20	53	*265%*	8/15 bài
2.4	**Kinh phí cho hoạt động nghiên cứu**					
	Tổng nguồn thu hợp pháp của các đơn vị ĐT-NC (không bao gồm nguồn thu từ hoạt động hành chính sự nghiệp)	triệu	215,716		*0%*	cuối năm
	Kinh phí dành cho hoạt động KHCN của các đơn vị ĐT-NC	triệu	10,786		*0%*	cuối năm
2.4.1	Tỷ lệ kinh phí từ nguồn thu hợp pháp để đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ/năm	%	5		*0%*	cuối năm
	Nguồn thu từ học phí	triệu	142,183		*0%*	cuối năm
	Kinh phí từ nguồn thu học phí để cho sinh viên và người học nghiên cứu khoa học	triệu	4,265		*0%*	cuối năm
2.4.2	Tỷ lệ kinh phí từ nguồn thu học phí để cho sinh viên và người học nghiên cứu khoa học/năm	%	3		*0%*	cuối năm
2.5	**Kinh phí từ hoạt động KHCN, thương mại hóa và chuyển giao sản phẩm KH&CN**					
	Tổng nguồn thu	trđ	215,716			cuối năm

	Nguồn thu từ các hoạt động KHCN, đổi mới sáng tạo, chuyển giao, thương mại hóa và hỗ trợ khởi nghiệp	trđ	10.786-21.572			cuối năm
2.5.1	Tỷ trọng nguồn thu từ các hoạt động KHCN, đổi mới sáng tạo, chuyển giao, thương mại hóa và hỗ trợ khởi nghiệp/tổng thu	%	5-10		*0%*	cuối năm
2.5.2	Số nhiệm vụ KHCN có kinh phí lớn trên 5 tỷ đồng	nhiệm vụ	1		*0%*	
2.6	**Sở hữu trí tuệ**					
2.6.1	Số đơn đăng ký giải pháp hữu ích, sáng chế được chấp nhận hợp lệ/năm	Hồ sơ	1	2	*200%*	
	Trong đó số bằng phát minh sáng chế được công nhận	*Bằng*	-			
2.6.2	Hợp đồng tư vấn, giải pháp khoa học công nghệ cấp ĐHQGHN	Hợp đồng	-			
2.6.3	Sản phẩm công nghệ hoàn chỉnh được chuyển giao cấp ngành và quốc gia	Sản phẩm				
2.7	**Môi trường đào tạo gắn với nghiên cứu và ứng dụng**					
2.7.1	Tỷ lệ các ngành đào tạo đại học có đủ (i) PTN, trung tâm nghiên cứu, cơ sở phục vụ thực hành, thực tập (ii) các hoạt động KH&CN, chương trình/dự án/ đề tài nghiên cứu gắn với lĩnh vực đào tạo.	%	100	100	*100%*	
2.8	**Sách chuyên khảo**					
2.8.1	Tiếng Việt	Cuốn	4	0	*0%*	
2.8.2	Tiếng nước ngoài	Cuốn	1	0	*0%*	
3	**PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ CÁN BỘ**					
3.1	**Quy mô giảng viên**					
3.1.1	Tỷ lệ giảng viên/người học chính quy	Tỷ lệ	13.4	12.7	*95%*	
	Số lượng cán bộ khoa học (CBKH)	**người**	**536**	**532**		
	Nghiên cứu viên	*người*				

	Số lượng giảng viên	*người*	*536*	*532*		
	Số CBKH có trình độ tiến sĩ, tiến sĩ khoa học	**người**	**172**	**169**		
	Số lượng NCV có trình độ tiến sĩ	*người*	*0*			
	Số giảng viên có trình độ tiến sĩ, tiến sĩ khoa học	*người*	*172*	*169*		
	Số giáo sư, phó giáo sư	**người**	**27**	**17**		
	Số nghiên cứu viên chức danh GS,PGS	*người*				
	Số giảng viên có chức danh GS, PGS	*người*	*27*	*17*		
	Tổng số cán bộ (CCVC, NLĐ)	**người**	**801**	**804**		
3.1.2	Tỷ lệ CBKH/tổng số cán bộ	%	67	66.2	*99%*	
3.2	**Trình độ giảng viên**					
3.2.1	Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu.	%	32	32	*100%*	
3.2.2	Tỉ lệ CBKH có trình độ tiến sĩ, tiến sỹ khoa học/CBKH	%	32	32	*100%*	
3.3	**Uy tín giảng viên**					
3.3.1	Tỷ lệ giảng viên có chức danh GS, PGS trên tổng số giảng viên cơ hữu	%	5	3.2	*63%*	
3.3.2	Tỉ lệ giáo sư, phó giáo sư/CBKH	%	5	3.2	*63%*	
4	**CHUYỂN ĐỔI SỐ**					
4.1	**Tài nguyên số**					
	Tỷ lệ học liệu được số hóa	%	90	100	*111%*	
	Số học liệu đại học bắt buộc		*1,552*	*1,552*		
	Số học liệu đại học đã số hóa		*1,397*	*1,552*		
	Số học liệu Sau đại học bắt buộc		*1,097*	*1,097*		

	Số học liệu Sau đại học đã số hóa		*987*	*1,097*		
4.2	**Môi trường đào tạo trực tuyến**					
	Tỷ lệ học phần được tổ chức giảng dạy trực tuyến của mỗi CTĐT	%	20	23	*115%*	
	Tổng số học phần Đại học giảng dạy trong năm		*538*	*538*		
	Số học phần Đại học giảng dạy trực tuyến		*108*	*108*		
	Tổng số học phần Sau dại học giảng dạy trong năm		*78*	*121*		
	Số học phần Sau đại học giảng dạy trực tuyến		*16*	*43*		
4.3	**Thủ tục hành chính trực tuyến**					
	Tỷ lệ các thủ tục hành chính được thực hiện hoàn toàn (mức 4) thông qua hệ thống công nghệ thông tin trực tuyến	%	3	2	*67%*	2/50 thủ tục
5	**MỨC ĐỘ QUỐC TẾ HÓA**					
5.1	**Sinh viên quốc tế**					
	Tỷ lệ sinh viên có quốc tịch nước ngoài đến học tập (từ cấp độ có chứng nhận, trao đổi ngắn hạn, tới học tập toàn khóa) / trên tổng quy mô đào tạo.	%	1.4	0.1	*11%*	
	Số sinh viên nước ngoài đến học tập tại ĐHNN	*Lượt người*	*100*	*10*		
5.2	**Giảng viên quốc tế**					
	Tỷ lệ giảng viên có quốc tịch nước ngoài (đến giảng dạy tối thiểu 01 chuyên đề hoặc có thời gian giảng dạy hoặc nghiên cứu tại trường liên tục tối thiểu 3 tháng) trên tổng quy mô giảng viên.	%	5		*0%*	
	Số cán bộ nước ngoài đến ĐHNN giảng dạy tối thiểu 1 chuyên đề hoặc nghiên cứu tại đơn vị liên tục tối thiểu 3 tháng.	*Lượt người*	*30*	*0*		
6	**TÀI CHÍNH**					
6.1	Tỷ lệ nguồn thu tăng so với năm trước	%	10		*0%*	
	Nguồn thu năm trước		*196,105*			cuối năm

	Nguồn thu năm nay		*215,716*			cuối năm
6.2	Tỷ lệ nguồn thu sự nghiệp/tổng nguồn KP hoạt động thường xuyên (bao gồm NSNN cho GD-ĐT và nguồn thu sự nghiệp)	%	52		*0%*	
	Thu sự nghiệp năm trước	*62%*	*129,257*			cuối năm
	Thu sự nghiệp năm nay	*65%*	*142,183*			cuối năm
6.3	Mức tăng thu nhập của cán bộ viên chức	%	5		*0%*	
	Thu nhập của cán bộ năm trước		*13.9*			cuối năm
	Thu nhập của cán bộ năm nay		*14.5*			cuối năm

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Phụ lục 2.1

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

STT		Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị thực hiện	Đơn vị tính	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021		
					Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện	% Kế hoạch
1		**Tuyển sinh**						
	1.1	Đại học chính quy	P.Đào tạo	Người	2,028		1,986	
	1.3	Thạc sỹ	K.SĐH	Người	150		175	
	1.4	Tiến sỹ	K.SĐH	Người	10		10	
	1.5	Đại học vừa làm vừa học	K.ĐT&BDNN	Người	565		583	
	1.6	Liên kết quốc tế bậc cử nhân	K.ĐT&BDNN	Người	113		336	
	1.7	Liên kết quốc tế bậc thạc sỹ	K.SĐH	Người	69		64	
	1.8	THPT chuyên	P.Đào tạo	Người	460		638	
	1.9	THCS	THCS	Người	100		100	
	1.10	Bồi dưỡng SĐH (PG)	K.SĐH	Người	55		62	
	1.11	Đào tạo tiếng Việt ngắn hạn	K.ĐT&BDNN	Người	77		50	
2		**Quy mô đào tạo**						
	2.1	Đại học chính quy	P.CTHSSV	Người	6,045		6,083	
	2.3	Thạc sỹ	K.SĐH	Người	508		548	

	2.4	Tiến sỹ	K.SĐH	Người	68		64	
	2.5	Đại học vừa làm vừa học	K.ĐT&BDNN	Người	1,077		1,248	
	2.6	Liên kết quốc tế bậc cử nhân	K.ĐT&BDNN	Người	302		480	
	2.7	Liên kết quốc tế bậc thạc sỹ	K.SĐH	Người	60		64	
	2.8	THPT chuyên	P.CTHSSV	Người	2,225		2,138	
3		**Đào tạo các chương trình đặc biệt, CLC**						
	3.1	Số lượng sinh viên chất lượng cao	P.CTHSSV	%	286		192	
	3.2	Số lượng sinh viên, học viên liên kết quốc tế	K.ĐT&BD, K.SĐH, P.CTHSSV	%	310		544	
4		**Số lượng sinh viên, học viên tốt nghiệp**						
	4.1	Đại học chính quy	P.Đào tạo	Người	1,061		759	
	4.2	Đại học bằng kép	P.Đào tạo	Người	127		126	
	4.3	Thạc sỹ	K.SĐH	Người	134		108	
	4.4	Tiến sỹ	K.SĐH	Người	12		4	
	4.5	Đại học vừa làm vừa học	K.ĐT&BDNN	Người	342		418	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Phụ lục 2.2
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ KHẢO THÍ

STT		Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị thực hiện	Đơn vị tính	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021		
					Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện	% Kế hoạch
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG								
1		**Kiểm định chất lượng**						
	1.1	Số lượng CTĐT được kiểm định theo chuẩn AUN	TT. ĐBCL	CTĐT	1		1	
2		**Nâng cao khả năng có việc làm cho sinh viên**						
	2.1	Tỉ lệ môn học được lấy ý kiến phản hồi của người học	TT. ĐBCL	Lượt môn học	17		10	
	2.2	Tỉ lệ CTĐT được lấy ý kiến phản hồi của SVTN về chất lượng	TT. ĐBCL	%	100%		2	
	2.3	Số lượt lấy ý kiến SV, cán bộ ĐHQGHN về chất lượng các hoạt động hỗ trợ SV, hỗ trợ đào tạo &NCKH **	TT. ĐBCL	Lượt	6810		11	
	2.4	Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng nghề sau khi tốt nghiệp 1 năm	CT-CTHSSV	%	97		97	
KHẢO THÍ								
3		**Kiểm tra đánh giá theo khung NLNN 6 bậc**						
	3.1	Số lượng thí sinh tự do	TT.Khảo thí	Người	4130		7443	
	3.2	Số lượng sinh viên ĐHNN	TT.Khảo thí	Người	1982		477	

Phụ lục 2.3
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

STT		Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị thực hiện	Đơn vị tính	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021		
					Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện	% Kế hoạch
1		**Số bài báo khoa học**	P.KHCN					
	1.1	Trong nước	P.KHCN	Bài	103		386	
	1.2	Quốc tế	P.KHCN	Bài	25		37	
	1.3	Quốc tế thuộc hệ thống ISI và SCOPUS	P.KHCN	Bài	15		18	
2		**Số báo cáo khoa học**						
	1.1	Trong nước	P.KHCN	Bài	44		167	
	1.2	Quốc tế	P.KHCN	Bài	95		85	
		Đề tài nghiên cứu						
		Số lượng đề tài nghiên cứu cấp cơ sở đã nghiệm thu	P.KHCN	Đề tài	4		6	
		Số lượng đề tài nghiên cứu cấp ĐHQGHN đã nghiệm thu	P.KHCN	Đề tài	0		2	
2		**Sách chuyên khảo**						
	2.1	Tiếng Việt	P.KHCN	Cuốn	4		3	
	2.2	Tiếng nước ngoài	P.KHCN	Cuốn	2		4	
3	3.1	Số hội thảo, hội nghị, tọa đàm quốc tế do Trường tổ chức	P.KHCN		1		2	
	3.2	Số hội thảo/ hội nghị trong nước do Trường tổ chức	P.KHCN		1		1	
4		Số giảng viên hoàn thành nhiệm vụ NCKH	P.KHCN	người	383		438	
5		**Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc tư vấn chính sách**						
		Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích	P.KHCN	Bằng	0		0	

		Hợp đồng tư vấn, giải pháp khoa học công nghệ cấp ĐHQGHN	P.KHCN	Hợp đồng	0		0	
6		**Sản phẩm công nghệ hoàn chỉnh được chuyển giao cấp ngành và quốc gia**	P.KHCN	SP	0		0	
7		**Nghiên cứu khoa học sinh viên**						
	7.1	Số sinh viên thực hiện đề tài NCKH	P.KHCN	người	530		120	
	7.2	Số đề tài được chọn tham dự Hội nghị NCKHSV cấp Trường	P.KHCN	Đề tài	74		43	
	7.3	Số đề tài được đạt giải cấp Trường	P.KHCN	Đề tài	18		32	
	7.4	Số đề tài được đạt giải cấp ĐHQGHN	P.KHCN	Đề tài	2		1	

Phụ lục 2.4

HỢP TÁC PHÁT TRIỂN

STT	Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị thực hiện	Đơn vị tính	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021		
				Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện	% Kế hoạch
1	Số cán bộ đi nghiên cứu và giảng dạy ở nước ngoài	P.TCCB	Lượt người			1	
2	Số cán bộ nước ngoài đến nghiên cứu và giảng dạy	P.TCCB	Người	46		23	
4	Số sinh viên trao đổi nước ngoài	P.HTPT	Lượt người	189		86	
5	Số sinh viên nước ngoài đến ĐHNN	P.HTPT	Lượt người	198		60	
6	Số chương trình thỏa thuận hợp tác quốc tế	P.HTPT	Chương trình	17		15	
7	Số chương trình thỏa thuận hợp tác trong nước	P.HTPT	Chương trình	3		2	
8	Số lượng đoàn vào	P.HTPT	Đoàn	15		8	
9	Số lượng đoàn ra	P.HTPT	Đoàn	5		0	

Phụ lục 2.5
TỔ CHỨC CÁN BỘ

STT		Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị thực hiện	Đơn vị tính	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022		
					Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện	% Kế hoạch
TỔ CHỨC CÁN BỘ								
1		**Kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường ĐHNN**						
	1.1	Thành lập mới đơn vị trực thuộc Trường	P.TCCB	Đơn vị	0		0	
		Thành lập mới trung tâm, bộ môn trực thuộc Khoa, Phòng	P.TCCB	Đơn vị	0		0	
	1.2	Sắp xếp lại cấu trúc các đơn vị trực thuộc	P.TCCB	Đơn vị	0		1	
2		**Phát triển đội ngũ cán bộ**	P.TCCB					
	2.1	Số lượng cán bộ khoa học (CBKH)	P.TCCB	Người	537		537	
	2.2	Tổng số cán bộ (CCVC, NLĐ)	P.TCCB	Người	801		809	
	2.3	Tỉ lệ CBKH có trình độ tiến sĩ, tiến sỹ khoa học	P.TCCB	%	31.2		31,7	
	2.4	Tỉ lệ giáo sư, phó giáo sư/CBKH	P.TCCB	%	4		3,2	
	2.5	Tỉ lệ CBKH có trình độ tiến sĩ dưới 45 tuổi	P.TCCB	%	22		67,05	
	2.6	Tỷ lệ giảng viên giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh có trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương trở lên **	P.TCCB	%	45.4		66,4	
	2.7	Tỷ lệ cán bộ quản lý, hành chính (CBQL) có trình độ tiếng Anh đạt chứng chỉ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương trở lên **	P.TCCB	%	77		79	
3		**Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ**						
	3.1	Đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn trong nước	P.TCCB	Lượt người			1282	
	3.2	Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài	P.TCCB	Lượt người			0	

4		Đánh giá công chức, viên chức, NLĐ theo quy định	P.TCCB	%			100	

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Phụ lục 2.6
CÔNG TÁC HỌC SINH- SINH VIÊN

STT		Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị thực hiện	Đơn vị tính	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-202	
					Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện
1		**Học bổng**					
	1.1	Số lượng học bổng trong nước ngoài ngân sách do đơn vị khai thác, quản lý	P.CTHSSV	Học bổng	3		25
	1.2	Số suất học bổng ngoài ngân sách NN mà HSSV được nhận trong năm học	P.CTHSSV	Học bổng	189		210
	1.3	Tổng giá trị học bổng bằng VNĐ ngoài ngân sách do đơn vị khai thác mới	P.CTHSSV	Triệu đồng	164		2,996,393,000
	1.4	Số lượng học bổng trong ngân sách do đơn vị quản lý	P.CTHSSV	Học bổng	382		419
	1.5	Tổng giá trị học bổng trong ngân sách do đơn vị quản lý	P.CTHSSV	Triệu đồng	5195		7,500,000,000
2		**Thi đua- khen thưởng**					
	2.1	Số lượng HSSV được khen thưởng cấp Bộ GD&ĐT (Bằng khen)	P.CTHSSV	Người	18		16
	2.2	Số lượng HSSV được khen thưởng cấp ĐHQGHN (Bằng khen)	P.CTHSSV	Người	70		88
	2.3	Số lượng HSSV được khen thưởng cấp cấp cơ sở (Giấy khen)	P.CTHSSV	Người	2176		4101

Phụ lục 2.7
TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT		Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị thực hiện	Đơn vị tính	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021		
					Kết quả thực hiện	Chỉ tiêu kế hoạch	Kết quả thực hiện	% kế Koạch
1		**Tài chính**	P.KHTC					
	1.1	Tỷ lệ nguồn thu tăng so với năm trước	P.KHTC	%	11	10	29	190%
	1.2	Tỷ lệ nguồn thu sự nghiệp/tổng nguồn KP hoạt động thường xuyên (bao gồm NSNN cho GD-ĐT và nguồn thu sự nghiệp)	P.KHTC	%	46	65	53	82%
	1.3	Mức tăng thu nhập của cán bộ viên chức	P.KHTC	%	10	5	17	240%
2		**Cơ sở vật chất**	P. Quản trị					
		Kinh phí đầu tư phòng thí nghiệm, phòng thực hành/CBKH/năm (trong lĩnh vực KHXH)	P. Quản trị	triệu đồng	0		0	
3		**Học liệu**	TT.CNTT.TT&HL					
	3.1	Số lượng tài liệu bổ sung mới (mua, thu lưu chiều và biếu tặng)	TT.CNTT.TT&HL	cuốn	878		648	
	3.2	Số lượng sách tài trợ	TT.CNTT.TT&HL	cuốn	703		389	
	3.3	Luận văn tốt nghiệp	TT.CNTT.TT&HL	cuốn	175		248	
	3.4	Số lượng người đọc sách	TT.CNTT.TT&HL	Lượt	9148		1696	
	3.5	Số lượt mượn sách	TT.CNTT.TT&HL	Lượt	3841		1906	